

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.199.584.298.188	6.412.052.850.650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	1.959.676.325.684	1.952.651.885.005
1. Tiền	111		1.875.676.325.684	1.577.651.885.005
<i>Trong đó :</i>				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			1.346.544.700.570	1.024.748.146.134
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	375.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.424.724.222.601	2.189.454.760.896
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	4.507.860.176.014	2.263.108.546.961
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(83.135.953.413)	(73.653.786.065)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.737.045.722.979	2.251.215.021.177
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.04	2.579.427.489.258	2.107.978.862.280
2. Trả trước cho người bán	132	VI.05	4.620.522.325	3.644.740.653
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.04	116.643.556.534	2.284.928.503
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.04	39.144.798.098	140.272.267.822
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.06	(2.790.643.234)	(2.965.778.081)
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.138.026.924	18.731.183.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.872.907.466	5.404.456.902
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	44.439.578
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.12	70.265.119.458	13.282.287.092

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+265	200		2.491.956.379.317	2.502.382.615.087
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		134.291.029.340	139.466.904.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.07	16.294.469.520	19.380.118.523
<i>Nguyên giá</i>	222		88.406.107.271	86.467.395.084
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.111.637.751)	(67.087.276.561)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	117.698.219.820	120.086.785.763
<i>Nguyên giá</i>	228		167.148.796.621	165.851.719.836
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(49.450.576.801)	(45.764.934.073)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		298.340.000	-
III. Bất động sản tư	240	VI.08	270.724.840.006	252.260.031.185
<i>Nguyên giá</i>	241		311.647.615.101	283.612.736.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(40.922.775.095)	(31.352.705.335)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.800.378.883.345	1.994.645.599.205
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	753.208.763.294	1.043.972.898.151
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	1.054.012.575.069	819.968.163.892
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1.054.012.575.069	819.968.163.892
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	109.000.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(115.842.455.018)	(407.912.462.838)
V. Tài sản dài hạn khác	260		286.561.626.626	116.010.080.411
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.09	1.972.103.976	1.084.463.623
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.16	28.724.125.629	88.452.941.782
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.11	20.000.000.000	19.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	235.865.397.021	6.489.763.210
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.691.540.677.505	8.914.435.465.737

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.296.989.046.892	3.140.629.721.212
I. Nợ ngắn hạn	310		4.569.767.739.000	3.112.710.665.552
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	2.537.050.010.584	1.506.127.466.877
2. Phải trả người bán	312		1.456.676.031	3.660.523.934
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	10.991.399.225	71.967.220.419
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	65.798.811.054	48.730.855.015
5. Phải trả người lao động	315		3.337.255.481	3.661.862.273
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	47.263.040.406	10.729.314.712
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	133.408.231.303	253.580.217.204
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.19	1.640.780.144.807	1.097.851.004.560
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.20	5.875.972.670	9.609.207.880
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		6.986.587.030	1.884.039.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.21	116.760.015.863	104.908.953.518
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		59.794.546	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		727.221.307.892	27.919.055.660
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		543.366.599	559.315.985
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.23	687.500.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.16	10.158.760.092	27.359.739.675
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	VI.22	29.019.181.201	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.24	6.312.724.884.193	5.690.950.098.941
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.312.724.884.193	5.690.950.098.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.700.636.840.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.349.860.000	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(4.189.877.963)	(4.185.339.535)
4. Cổ phiếu quỹ	414		(169.934.900)	(54.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		31.017.061.856	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		451.646.309.750	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.104.434.625.450	1.441.990.375.228
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429		81.826.746.420	82.855.645.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)	440		11.691.540.677.505	8.914.435.465.737

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		21.010.248.750.000	16.971.498.980.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		16.537.914.090.000	13.385.339.520.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		262.582.380.000	89.693.530.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		14.589.232.860.000	11.856.981.100.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.686.098.850.000	1.438.664.890.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		803.720.450.000	305.421.250.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		661.678.960.000	295.550.450.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		142.041.490.000	9.870.800.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		3.003.739.000.000	2.519.004.810.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		179.526.660.000	92.335.010.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2.824.212.340.000	2.426.669.800.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		650.737.320.000	741.167.730.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		1.895.600.000	301.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		626.940.220.000	735.731.330.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		21.901.500.000	5.135.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		14.137.890.000	20.565.670.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		13.637.890.000	20.309.180.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		500.000.000	256.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047			
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		1.334.911.000.000	1.025.917.840.000
Trong đó:				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		1.120.458.590.000	824.916.770.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		14.466.220.000	14.439.920.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		937.262.420.000	652.581.860.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		168.729.950.000	157.894.990.000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		150.005.000.000	148.800.330.000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		61.582.020.000	60.377.350.000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87.422.980.000	87.422.980.000
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		59.944.250.000	45.999.520.000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		59.944.250.000	45.999.520.000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		4.503.160.000	6.201.220.000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		2.580.000	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		4.497.330.000	6.201.220.000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		3.250.000	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thuý

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2015
CP. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		LUY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7	
1	Doanh thu	01		350.693.886.241	417.899.632.683	960.108.167.387	1.286.543.341.563
	Trong đó:						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		82.482.431.576	94.408.579.643	214.652.439.161	238.698.418.479
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.25	107.643.924.717	182.912.006.781	297.351.065.185	680.673.811.697
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		2.027.257.727	40.505.521	2.202.049.452	101.847.825
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ			1.685.037.260	1.649.239.865	4.413.378.245	3.436.412.353
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		11.324.585.753	3.085.798.258	28.325.333.760	14.151.446.978
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.078.033.090	1.228.637.156	5.491.767.832	3.824.422.911
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1.813.880.333	1.738.848.476	5.609.054.304	5.895.979.549
	Doanh thu khác	01.9	VI.26	141.638.735.785	132.836.016.984	402.063.079.448	339.761.001.771
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		114.449.514	-	1.023.661.971	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		350.679.436.727	417.899.632.683	959.084.505.416	1.286.543.341.563
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.27	117.324.177.958	195.603.582.081	198.121.709.590	441.400.088.933
	Trong đó:						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		148.357.769.694	145.663.221.800	437.545.336.989	360.787.865.974
	Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng chứng khoán	11.2		(31.033.591.736)	49.840.360.281	(239.423.627.399)	80.612.222.959
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		233.255.258.769	222.396.050.602	760.962.795.826	845.143.252.630
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	2.768.253.311	2.758.063.811	8.889.673.932	9.196.117.127
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		230.487.005.458	219.637.986.791	752.073.121.894	835.947.135.503
8	Thu nhập khác	31	VI.29	473.433.207	749.195.415	4.231.479.651	3.166.407.213
9	Chi phí khác	32	VI.29	1.010.902	2.341.382	3.884.835	5.363.370
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		472.422.305	746.855.033	4.227.684.816	3.161.043.843
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	VI.03	(45.020.282.317)	13.682.551.606	(1.027.987.881)	(26.153.390.674)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		185.939.145.446	234.067.393.430	755.272.718.829	812.954.788.672
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		53.812.482.621	71.731.139.470	123.078.595.597	196.422.780.023
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(10.012.445.304)	(25.965.227.995)	42.735.752.339	(27.948.988.251)
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-51-52)	60		142.139.108.129	188.301.481.955	589.458.370.893	644.481.006.900
15.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		142.490.080.771	187.871.272.410	590.478.462.095	644.031.607.037
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(350.972.642)	430.209.645	(1.020.091.202)	449.399.862
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2015

Ch. Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	755.272.718.829	812.954.788.672
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(333.743.919.497)	(404.569.035.667)
- Khấu hao tài sản cố định	02	16.036.683.631	15.609.031.975
- Các khoản lập dự phòng	03	(239.598.762.245)	80.612.222.959
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(187.682.767.526)	(506.015.140.382)
- Chi phí lãi vay	06	77.500.926.643	5.224.849.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	421.528.799.332	408.385.753.005
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(380.681.631.417)	(1.349.317.593.946)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(377.842.399.582)	(1.225.075.821.247)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	324.765.399.531	477.519.859.938
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.356.090.917)	(1.849.437.288)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(44.891.145.523)	(5.073.584.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(91.635.234.835)	(151.567.833.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.225.000	27.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(40.250.312.825)	(26.269.534.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(192.359.391.236)	(1.873.221.191.215)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.655.161.079)	(7.449.860.031)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	12.136.004	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.275.468.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.467.466.302	417.694.472.326
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(712.544.985.024)	(1.114.180.101.926)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	910.610.827.329	1.845.091.740.813
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.388.973.922	151.878.993.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.577.188.742.546)	1.293.036.244.244

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	52.517.860.000	86.498.771.600
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31a	-	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(169.860.000)	-
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	13.732.293.383.727	11.722.374.686.062
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.013.870.840.020)	(10.730.663.179.163)
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(116.724.000)	(66.854.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.770.653.799.707	1.078.143.424.141
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.105.665.925	497.958.477.170
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.952.651.885.005	1.838.619.478.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.918.774.754	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.959.676.325.684	2.336.577.955.632

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2015

P. Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2015	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	1.162.687.420.000	-	4.700.636.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		342.196.810.218	29.423.360.000	342.270.310.218	29.349.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(4.185.339.535)	-	4.538.428	(4.189.877.963)
4. Cổ phiếu quỹ		(54.900)	(169.880.000)	-	(169.934.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	31.017.061.856	-	31.017.061.856
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		372.998.887.930	78.647.421.820	-	451.646.309.750
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.441.990.375.228	590.794.566.614	928.350.316.392	1.104.434.625.450
Cộng		5.690.950.098.941	1.892.399.950.290	1.270.625.165.038	6.312.724.884.193

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	2.747.546.160	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5.358.122.972)	1.172.783.437	-	(4.185.339.535)
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	-	(89.246.317.760)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	37.185.768.678	-	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.118.079.667.080	644.263.432.426	421.151.311.080	1.341.191.788.426
Cộng		5.242.182.121.978	682.621.984.541	334.652.539.480	5.590.151.567.039

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2015 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.

4. Tổng số nhân viên : 586

5. Công ty con:

Tại ngày 30/09/2015, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.

+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư.

+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- Quỹ đầu tư thành viên SSI được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản

+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)

+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.) được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ

+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm

6. Công ty liên kết:

Tại ngày 30/09/2015 Công ty có 4 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 30/09/2015 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 368.784.069.286 đồng, chiếm 20,1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 831.437.480.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phòng cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý kỹ gởi hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính; Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2015 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 205.216.238.809 đồng, chiếm 20.01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 409.719.980.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...

CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):

Tại thời điểm ngày 30/09/2015 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.368.821.924 đồng, chiếm 20,06% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 176.854.360.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tồn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN):

Tại thời điểm ngày 30/09/2015 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là 53.751.602.758 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PDN và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2014. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PDN là 123.479.870.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đầu. Bốc xếp hàng hóa và cảng biển. Bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng ô tô khác. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Bán buôn xăng dầu và sản phẩm có liên quan. Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt): Vận tải hành khách bằng taxi. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 3/2015 so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ quý 3/2015 là 142.490.080.771 đồng, giảm 24,16% so với quý 3/2014 (quý 3/2014 là 187.871.272.410 đồng) chủ yếu do trong quý 3/2015 thoái vốn tại 3 công ty liên kết dẫn đến lợi nhuận từ các công ty liên kết giảm so với quý 3/2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành và các hướng dẫn chuẩn mực kế toán:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau (theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 04/2013 của Bộ Tài chính):

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 09 năm 2015.

9. Đầu tư vào các công ty, trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể (Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ năm 2015 được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 3 năm 2015						
1. Doanh thu trực tiếp	160.484.613.931	62.623.642.400	66.222.916.397	1.685.037.258	14.542.944.424	305.559.154.410
2. Các chi phí trực tiếp	56.315.381.659	(24.745.424.076)	40.526.003.162	4.306.754.618	2.744.265.069	79.146.980.432
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	30.695.261.538	2.316.876.261	1.110.192.894	3.261.890.430	3.088.807.408	40.473.028.532
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	73.473.970.734	85.052.190.215	24.586.720.341	(5.883.607.790)	8.709.871.947	185.939.145.446
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015						
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	3.652.073.193.005	3.180.910.197.242	4.124.894.117.480	773.109.636	3.463.423.678	10.962.114.041.041
2. Tài sản bộ phận phân bổ	136.369.345.926	6.729.915.773	1.416.824.373	11.688.801.079	9.563.564.519	165.768.451.671
3. Tài sản không phân bổ						563.658.184.792
Tổng tài sản	3.788.442.538.931	3.187.640.113.015	4.126.310.941.853	12.461.910.715	13.026.988.197	11.691.540.677.504
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.574.290.500.735	125.000.275.328	3.383.263.353.890	-	7.675.962.114	5.090.230.092.067
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	102.273.214.684	5.047.249.556	1.062.578.854	8.766.275.544	7.172.407.264	124.321.725.902
3. Nợ phải trả không phân bổ						82.437.228.922
Tổng công nợ	1.676.563.715.419	130.047.524.884	3.384.325.932.744	8.766.275.544	14.848.369.378	5.296.989.046.891



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2 đến 4%). Do đó, công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	68.931.615	219.364.656
Tiền gửi ngân hàng	1.875.607.394.069	1.577.432.520.349
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.346.544.700.570	1.024.748.146.134
Các khoản tương đương tiền	84.000.000.000	375.000.000.000
Cộng	1.959.676.325.684	1.952.651.885.005

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 30/09/2015					
I. Chứng khoán thương mại	24.520.445	864.760.176.014	-	(83.135.953.413)	781.624.222.601
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	20.682.926	726.992.779.551		(61.861.859.118)	665.130.920.433
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.837.518	137.767.296.463		(21.274.094.295)	116.493.202.168
<i>Trái phiếu</i>	1	100.000		-	100.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.643.100.000.000	-	-	3.643.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	3.643.100.000.000	-	-	3.643.100.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	31.893.972	1.054.012.575.069	-	(115.842.455.020)	938.170.120.049
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	31.893.972	1.054.012.575.069		(115.842.455.020)	938.170.120.049
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	26.114.728	753.272.722.493		(79.601.361.372)	673.671.361.121
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.361.343	85.167.499.171		(36.241.093.648)	48.926.405.523
<i>Trái phiếu</i>	2.417.901	215.572.353.405		-	215.572.353.405
IV. Đầu tư tài chính khác	1.499.999	109.000.000.000	-	-	109.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	1.499.999	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	94.000.000.000	-	-	94.000.000.000
Tại ngày 31/12/2014					
I. Chứng khoán thương mại	18.711.464	339.108.546.961	-	(73.653.786.065)	265.454.760.896
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	7.066.383	167.986.593.028		(1.314.628.366)	166.651.964.662
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	11.645.100	171.141.853.932		(72.339.157.699)	98.802.696.233
<i>Trái phiếu</i>	1	100.000		-	100.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.924.000.000.000	-	-	1.924.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.924.000.000.000	-	-	1.924.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	18.422.764	819.968.163.892	-	(110.169.462.838)	709.798.701.054
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	18.422.764	819.968.163.892		(110.169.462.838)	709.798.701.054
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	11.424.556	493.872.588.058		(68.077.726.036)	425.794.862.022
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	4.747.557	108.988.507.171		(42.091.736.802)	66.876.770.369
<i>Trái phiếu</i>	2.250.651	217.127.068.663		-	217.127.068.663
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(297.743.000.000)	240.874.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(297.743.000.000)	240.874.000.000

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, có 2.175,1 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 1.238 tỷ đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Trong số cổ phiếu niêm yết của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 30/09/2015, có 4.286.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 42.860.000.000 đồng đã là tài sản đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu đợt 2 của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo số kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2015				
Cổ phiếu niêm yết				
KDC	29.445	767.261.992	(37.025.992)	730.236.000
GAS	5.000	325.000.000	(96.000.000)	229.000.000
OPC	1.957.542	59.372.118.748	(2.016.138.148)	57.355.980.600
LAS	15.330	485.887.997	(2.991.045)	482.896.952
VAF	2.608.912	65.182.927.878	(23.440.335.877)	41.742.592.001
DBC	6.036.355	160.337.608.058	(11.843.246.475)	148.494.361.583
SSC	2.779.980	159.985.029.754	(23.766.009.754)	136.219.020.000
E1SSH30	1.954.700	19.229.761.828	(660.111.827)	18.569.650.001
Cộng niêm yết	15.387.264	465.685.596.255	(61.861.859.118)	403.823.737.137
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(2.884.420.374)	3.247.478.345
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.874	117.732.575	(3.927.022)	113.805.553
Công ty CP Bà Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
Cộng chưa niêm yết	1.383.589	28.670.837.351	(21.274.094.295)	7.396.743.056
Tổng cộng	16.770.853	494.356.433.607	(83.135.953.413)	411.220.480.194
Tại ngày 31/12/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.752	127.098.826	(19.066.827)	108.031.999
PVS	8.140	332.587.537	(113.621.538)	218.965.999
E1SSH30	1.969.900	19.699.000.000	(1.181.940.001)	18.517.059.999
Cộng niêm yết	1.984.792	20.158.686.363	(1.314.628.366)	18.844.057.997
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Phân Lân Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(52.138.367.878)	13.044.560.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(1.810.811.113)	4.321.087.605
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bà Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
Cộng chưa niêm yết	3.992.493	93.853.753.229	(72.339.157.699)	21.514.595.530
Tổng cộng	5.977.285	114.012.439.592	(73.653.786.065)	40.358.653.527

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2015				
Cổ phiếu niêm yết				
HPG	4.980.205	180.111.915.956	(28.713.683.956)	151.398.232.000
GIL	2.707.226	81.968.204.098	(1.551.202.011)	80.417.002.087
PET	500.000	7.831.724.749	(31.724.749)	7.800.000.000
PVS	1.970.000	83.828.311.051	(42.852.311.051)	40.976.000.000
HTI	665.600	10.855.606.881	(1.537.208.881)	9.318.400.000
DPR	483.590	20.486.830.724	(4.915.232.724)	15.571.598.000
Cộng niêm yết	11.306.621	385.082.593.459	(79.601.361.372)	305.481.232.087
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đập Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(5.601.947.248)	5.722.725.526
- Cty CP Việt Tin	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	1.414.000	44.488.000.000	(11.966.000.000)	32.522.000.000
Cộng chưa niêm yết	2.618.769	77.667.499.174	(36.241.093.648)	41.426.405.526
Tổng cộng	13.925.390	462.750.092.633	(115.842.455.020)	346.907.637.613
Tại ngày 31/12/2014				
Cổ phiếu niêm yết				
FPT	1.610.000	86.044.564.632	(8.764.564.632)	77.280.000.000
HPG	2.409.230	139.216.946.101	(11.527.756.101)	127.689.190.000
PVS	1.930.000	82.814.691.851	(30.897.691.851)	51.917.000.000
VNM	277.290	27.233.534.356	(752.339.356)	26.481.195.000
CNG	366.350	14.542.195.053	(2.672.455.053)	11.869.740.000
DPR	483.590	20.486.830.724	(2.110.410.724)	18.376.420.000
VSC	1.133.830	68.044.008.317	(11.352.508.319)	56.691.499.998
Cộng niêm yết	8.210.290	438.382.771.035	(68.077.726.036)	370.305.044.999
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đập Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.072)	7.614.761.702
- Cty CP Việt Tin	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	1.414.000	44.488.000.000	(11.966.000.000)	32.522.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(210.824.330)	7.289.175.670
- CTCP Đường Quảng Ngãi	386.215	11.801.020.000	(2.531.860.000)	9.269.160.000
Cộng chưa niêm yết	4.747.557	108.968.507.174	(42.091.736.802)	66.876.770.372
Tổng cộng	12.957.847	547.351.278.209	(110.169.462.838)	437.181.815.371

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2015				
Cộng	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
Cộng	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP Xuyên Thái Bình	368.784.069.286	418.468.697.514	238.871.479.158	20.10%	20.02%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	-	-	96.960.394.866		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	78.668.460.888		
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	-	-	29.141.573.807		
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	205.216.238.809	133.036.531.516	158.366.014.557	20.01%	20.00%
CTCP Transimex-Saigon	-	-	150.240.358.241	-	-
CTCP Bibica	-	-	106.154.392.527		
CTCP Cảng Đồng Nai	53.751.602.758	65.437.236.126	62.606.030.071	20.01%	20.00%
CTCP Khử Trùng VN	97.368.821.924	136.266.298.138	122.964.194.036	20.06%	20.04%
Cộng	725.120.732.777	753.208.763.294	1.043.972.898.151		

+ Tại ngày 30/09/2015 có 13.666.666 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 136.666.660.000 đồng là tài sản đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu đợt 2 của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty trong 9 tháng đầu năm 2015 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Số dư đầu năm	1.043.972.898.152
Mua trong kỳ	166.071.215.710
Thanh lý công ty liên kết trong kỳ	(405.872.769.803)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(1.027.987.881)
Bất lợi thể thương mại	-
Lợi thể thương mại đã phân bổ trong kỳ	(24.362.534.325)
Phân chia sẻ lãi/(lỗ) trong kỳ	23.334.546.445
Cổ tức thực nhận	(48.387.591.300)
Vốn khác	(1.547.001.584)
Số dư cuối kỳ	753.208.763.294

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VND)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	2.579.427.489.256	2.107.978.862.280
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (*)	2.169.570.893.877	2.003.553.536.747
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	115.859.799.841	97.679.567.228
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán của hợp đồng Môi Giới Chứng khoán	287.184.211.500	-
- Phải thu phí tư vấn	2.525.646.117	2.904.869.361
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	454.109.644	805.269.952
- Phải thu khác	3.832.828.277	3.035.618.992
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	116.643.556.534	2.284.928.503
- Phải thu sở giao dịch	116.545.757.817	2.183.088.400
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	97.798.717	101.840.103
3. Phải thu khác	39.144.798.098	140.272.267.822
- Phải thu tổ chức phát hành (trái tức, cổ tức)	12.095.990.340	21.148.672.807
- Lãi tiền gửi ngân hàng	16.609.905.980	6.829.185.739
- Phải thu hợp đồng mua bán chứng khoán	7.909.473.758	-
- Tiền mua cổ phiếu đấu giá chưa có giấy xác nhận cổ phần	-	109.073.594.000
- Phải thu khác	2.529.428.021	3.220.815.276

(*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, công ty có giữ chứng khoán với giá trị theo mệnh giá 4.456.229.960.000 đồng là tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ chứng khoán

5. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước cho người bán	4.620.522.325	3.644.740.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khác	(2.790.643.234)	(2.965.778.081)
cộng	(2.790.643.234)	(2.965.778.081)

7. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VND)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	68.196.998.519	14.504.261.403	1.156.743.642	86.467.395.084
Tăng trong kỳ	-	2.515.255.494	-	37.840.000	2.553.095.494
Mus trong kỳ	-	2.515.255.494	-	37.840.000	2.553.095.494
Giảm trong kỳ	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Bán thanh lý	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	2.609.391.520	70.097.870.706	14.504.261.403	1.194.583.642	88.406.107.271
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	55.157.869.212	8.263.775.521	1.056.240.308	67.087.276.561
Tăng trong kỳ	-	4.511.738.047	1.090.311.455	36.694.995	5.638.744.497
Khấu hao	-	4.511.738.047	1.090.311.455	36.694.995	5.638.744.497
Giảm trong kỳ	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Bán thanh lý	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	2.609.391.520	59.055.223.952	9.354.086.976	1.092.935.303	72.111.637.751
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	13.039.129.307	6.240.485.882	100.503.334	19.380.118.523
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	-	11.042.646.754	5.150.174.427	101.648.339	16.294.469.520

8. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VND)

Đây là giá trị các toà nhà (nhà và đất) mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê. Khoản nguyên giá bất động sản đầu tư tăng trong kỳ chủ yếu là do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo.

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	311.647.615.101	283.612.736.520
Khấu hao	40.922.775.095	31.352.705.335
Giá trị còn lại	270.724.840.006	252.260.031.185

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VND)**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.972.103.976	1.084.463.623
Cộng	1.972.103.976	1.084.463.623

10. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VND)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.872.228.399	109.671.558.000	6.307.933.437	165.851.719.836
Tăng trong kỳ	1.032.046.310	-	265.030.475	1.297.076.785
Mua mới	1.032.046.310	-	265.030.475	1.297.076.785
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	50.904.274.709	109.671.558.000	6.572.963.912	167.148.796.621
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.695.216.214	-	2.069.717.859	45.764.934.073
Tăng trong kỳ	2.907.240.544	-	778.402.184	3.685.642.728
<i>Khấu hao</i>	2.907.240.544	-	778.402.184	3.685.642.728
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	46.602.456.758	-	2.848.120.043	49.450.576.801
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.177.012.185	109.671.558.000	4.238.215.578	120.086.785.763
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	4.301.817.951	109.671.558.000	3.724.843.869	117.698.219.820

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá 109.671.558.000 đồng được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do công ty phát hành đợt 2

11. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VND)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.039.464.938
Cộng	20.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản ngắn hạn khác (đơn vị tính: VNĐ)

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ ngắn hạn	55.119.246.779	-
Tài sản ngắn hạn khác	15.145.872.679	13.282.287.092
Cộng	70.265.119.458	13.282.287.092

13. Tài sản dài hạn khác (đơn vị tính: VNĐ)

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ dài hạn	229.378.858.811	-
Tài sản dài hạn khác	6.486.538.210	6.489.763.210
Cộng	235.865.397.021	6.489.763.210

14. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

Ngân hàng	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
Vay thấu chi	1.416.550.010.584	1.276.127.466.877
Ngân hàng CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	469.655.250.779	387.823.413.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	161.837.457.364
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	154.033.358
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	514.964.784.682	526.357.360.661
Ngân hàng Quốc tế	-	199.955.202.141
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	431.929.975.123	-
Vay hạn mức	1.120.500.000.000	230.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	920.500.000.000	-
Ngân hàng Quốc tế	200.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	-	230.000.000.000
Cộng	2.537.050.010.584	1.506.127.466.877

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại các ngân hàng dao động từ 1,5% đến 8.05%/năm.

Chi tiết:

Số đầu năm	1.506.127.466.877
Phát sinh tăng	12.932.293.383.727
Phát sinh giảm	11.901.370.840.020
Số cuối kỳ	2.537.050.010.584

15. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	5.991.399.225	6.957.820.419
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	5.000.000.000	65.009.400.000
Cộng	10.991.399.225	71.967.220.419

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VND)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	194.361.688	766.442.893
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.765.012.093	23.038.276.709
Thuế Thu nhập cá nhân	1.895.878.558	4.801.761.908
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	7.079.148.531	15.215.147.616
Các loại thuế khác	1.864.210.184	4.909.225.889
Cộng	65.798.611.054	48.730.855.015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 9 tháng đầu năm 2015 (đơn vị tính: VND):**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	755.272.718.829
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(40.005.972.350)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2014	(402.058.826.278)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.09.2015	106.764.877.329
- Khoản thanh lý công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	55.154.426.608
- Lợi nhuận chưa thực hiện khi hợp nhất báo cáo	23.799.330.071
- Lãi lỗ chưa thực hiện cty con - SSIAM- SSIIMF- SSIIC	(29.278.202.853)
- Lãi lỗ chưa thực hiện từ công ty liên kết	1.027.987.881
- Chi phí được khấu trừ thuế năm trước chuyển sang	(945.071.681)
- Khoản hoàn nhập dự phòng từ công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	54.760.416.789
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	524.491.684.345
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</i>	<i>115.388.170.556</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp - tại công ty con</i>	<i>7.690.425.041</i>
Cộng thuế TNDN 9 tháng năm 2015	123.078.595.597

Tài Sản thuế thu nhập hoãn lại

Số dư đầu năm	88.452.941.782
Thuế TNDN hoãn lại trong kỳ	(59.728.816.153)
Số dư cuối kỳ	28.724.125.629

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số dư đầu năm	27.359.739.675
Thuế TNDN hoãn lại từ công ty con	(986.640.970)
Thuế hoãn lại từ dự phòng công ty liên kết	(16.214.338.613)
Số dư cuối kỳ	10.158.760.092

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGĐCK & TTLKCK& NHLK	4.308.388.629	5.221.704.935
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán phải trả , HĐ đặt cọc môi giới chứng khoán	1.143.078.394	1.890.738.020
Trích trước lãi trái phiếu	31.925.902.780	-
Lãi vay tổ chức tín dụng	1.345.056.309	658.386.632
Phí dịch vụ khác	445.000.000	674.000.000
Phải trả khác	8.095.614.294	2.284.485.125
Tổng Cộng	47.263.040.406	10.729.314.712

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	721.211.827	33.849.945
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	96.000.000.000	164.000.000.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.943.229	24.943.229
Phải trả nhà đầu tư – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	27.584.000.000	85.126.479.812
Phải trả hợp đồng bán hộ chứng khoán	7.854.797.350	-
Các khoản khác	1.223.278.896	4.394.944.218
Tổng Cộng	133.408.231.302	253.580.217.204

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	211.388.387.500	152.264.610.800
Phải trả Sở GDCK HCM	82.847.056.737	1.442.394.883
Tiền gửi GDCK của NĐT	1.346.544.700.570	944.143.998.877
Tổng Cộng	1.640.780.144.807	1.097.851.004.560

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông của SSI	4.610.529.750	4.727.253.750
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho tổ chức phát hành	550.137.096	4.163.856.969
Phải trả khác	715.305.824	718.097.161
Cộng	5.875.972.670	9.609.207.880

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (đơn vị tính: VNĐ)

Số đầu năm	104.908.953.518
Trích lập trong kỳ	52.096.910.169
Sử dụng trong kỳ	(40.245.847.824)
Số cuối kỳ	116.760.015.863

22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện khi thanh lý công ty liên kết BBC	8.144.100.724	-
Doanh thu chưa thực hiện khi thanh lý công ty liên kết SSC	19.186.831.880	-
Doanh thu chưa thực hiện khi thanh lý công ty liên kết LAF	1.688.248.597	-
Cộng	29.019.181.201	-

23. Vay và Nợ dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu SSIBOND012015	387.500.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND022015	300.000.000.000	-
Tổng cộng	687.500.000.000	-

- Trái phiếu SSIBOND012015 phát hành đợt 1 vào tháng 1/2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 với số lượng 1.000 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, không có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm có cam kết mua lại 6 tháng một lần với

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 8.2%/năm và được điều chỉnh lại năm tiếp theo. Trong tháng 7/2015 Công ty đã mua lại 225 trái phiếu.

- Trái phiếu SSIBOND022015 phát hành vào tháng 4/2015 theo Nghị Quyết số 02/2015/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15/04/2015 với số lượng 600 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm với lãi suất tính bằng tổng của tối đa 1.5%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại các Ngân hàng của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Sở giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VND)****24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.537.949.420.000	(4.185.339.535)	342.196.810.218	(54.900)	372.998.887.930	1.441.990.375.228	-	5.690.950.098.942
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết thay đổi cổ phiếu lưu hành		(1.547.001.584)						(1.547.001.584)
Thanh lý công ty liên kết		1.542.463.156						1.542.463.156
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011 và 04/2014/NQ-HĐQT ngày 11/8/2014	23.168.000.000		29.423.360.000					52.591.360.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐQT ngày 13/1/2015	712.210.570.000		(342.196.810.218)			(370.013.759.782)		-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2014 (10%)	427.308.850.000					(427.308.850.000)		
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)					37.212.078.692	(37.212.078.692)		-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)					37.212.078.692	(37.212.078.692)		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc của công ty con SSIAM					4.223.264.436	(4.223.264.436)		-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)						(22.327.247.215)		(22.327.247.215)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)						(14.884.831.477)		(14.884.831.477)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)						(14.884.831.477)		(14.884.831.477)
Chi phí phát sinh khi tăng vốn			(73.500.000)					(73.500.000)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2014						(283.374.621)		(283.374.621)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2014						207.915.770		207.915.770
Điều chỉnh lợi nhuận của công ty con						108.188.749		108.188.749
Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2015				-	-	590.478.462.095		590.478.462.095
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo							31.017.061.856	31.017.061.856
Mua cổ phiếu quỹ				(169.880.000)	-	-		(169.880.000)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015	4.700.636.840.000	(4.189.877.963)	29.349.860.000	(169.934.900)	451.646.309.750	1.104.434.625.450	31.017.061.856	6.312.724.884.193

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24.2 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	470.063.684	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	470.063.684	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	470.063.684	353.794.942
- Cổ phiếu phổ thông	470.063.684	353.794.942
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(6.294)	(2)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(6.294)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	(6.294)	(2)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	470.057.390	353.794.940
- Cổ phiếu phổ thông	470.057.390	353.794.940
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Cổ tức	13.877.402.400	12.192.722.390
Trái tức	5.212.373.944	6.476.465.752
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	42.647.661.382	16.570.553.406
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	45.906.486.991	145.238.265.233
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	-	2.434.000.000
Tổng cộng	107.643.924.717	182.912.006.781

26. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Lãi tiền gửi	57.290.985.467	80.711.816.644
Doanh thu phí ứng trước	2.478.630.200	2.374.788.797
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	71.790.257.971	47.739.806.278
Doanh thu khác	10.078.862.147	2.009.605.265
Tổng cộng	141.638.735.785	132.836.016.984

27. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Chi phí môi giới chứng khoán	23.038.539.122	21.623.979.314
Chi phí tự doanh chứng khoán	6.288.167.600	12.370.942.753
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	30.000.000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	132.257.766	105.101.205
Chi phí/hoàn nhập dự phòng	(31.033.591.736)	49.840.360.281
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	39.978.969.451	35.142.046.104
Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	1.393.785.245	3.139.474.994
Chi phí lãi vay ngân hàng	16.762.449.658	3.057.433.996
Chi phí lãi Trái phiếu	14.133.661.111	-
Chi phí khác	7.689.073.437	28.945.137.114
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	78.889.835.755	76.421.152.425
Chi phí lương	43.831.776.408	43.002.061.936
Chi phí bảo hiểm các loại theo lương	2.824.935.600	2.262.492.054
Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác	695.679.069	879.497.661
Chi phí vật liệu, VPP, công cụ	1.580.909.965	1.153.939.741
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.049.585.409	5.160.009.924
Chi phí thuê văn phòng	8.313.221.496	6.657.477.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.728.235.504	16.375.365.971
Chi phí khác	2.865.492.304	930.307.283
Tổng cộng	117.324.177.958	195.503.582.081

Trang 38

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)**

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Chi phí nhân viên	2.590.250.739	2.552.192.489
Chi phí khấu hao và phân bổ	178.002.572	205.871.322
Tổng cộng	2.768.253.311	2.758.063.811

29. Thu nhập khác, chi phí khác (đơn vị tính: VND)

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	4.545.455	-
Thu nhập khác	468.887.752	749.196.415
	473.433.207	749.196.415
Chi phí khác		
Chi phí khác	1.010.902	2.341.382
	1.010.902	2.341.382
	472.422.305	746.855.033

30. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán	31.208.533	2.194.323.987.300
<i>Cổ phiếu</i>	11.148.533	135.559.857.300
<i>Trái phiếu</i>	20.060.000	2.058.764.130.000
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-
b) Của nhà đầu tư	2.290.742.010	46.915.234.000.000
<i>Cổ phiếu</i>	2.247.434.610	43.087.562.000.000
<i>Trái phiếu</i>	37.160.000	3.769.249.000.000
<i>Chứng khoán khác</i>	6.147.400	58.423.000.000
Tổng cộng	2.321.950.543	49.109.557.987.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 3/2015 (đơn vị tính: VND)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình và các công ty con	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng Việt nam	Công ty liên kết
CTCP Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên Sài Gòn Đan Linh
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí) VNĐ
		Số đầu kỳ VNĐ	Tăng trong kỳ VNĐ	Giảm trong kỳ VNĐ	Số cuối kỳ VNĐ	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000			15.000.000.000	
	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán		976.145.891	(976.145.891)		976.145.891
	Tiền thuê mặt bằng		6.319.376.250	(6.319.376.250)		(4.712.375.250)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000			10.800.702.000	
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng		276.017.941	(276.017.941)		276.017.941
	Phải thu ký quỹ	62.948.590.768	112.966.722.733	(175.915.313.501)		
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	96.000.000.000	196.246.211.500	(149.800.000.000)	142.446.211.500	
	Cổ tức		2.999.998.000	(2.999.998.000)		2.999.998.000
	Mua trái phiếu	(150.000.000.000)			(150.000.000.000)	
	Giao dịch mua bán chứng khoán tự doanh và Danh Mục Ủy Thác		225.616.615.125	(225.616.615.125)		
	Lãi trái phiếu	(5.535.000.001)	(3.143.333.333)		(8.678.333.334)	(3.143.333.333)
	Phí ký quỹ	-	304.040.634	(304.040.634)		304.040.634

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư NDH	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán		92.065.552	(92.065.552)		92.065.552
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán		229.572.241	(229.572.241)		229.572.241
	Phải thu ký quỹ		49.662.603.382	(49.662.603.382)		
	Phí ký quỹ		638.852.601	(638.852.601)		638.852.601
	Phí dịch vụ		3.454.656.943	(3.454.656.943)		3.140.597.221
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình và các công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán		456.094.829	(456.094.829)		456.094.829
	Phải thu ký quỹ		20.753.783.360	(16.669.514.760)	4.084.268.600	
	Phí ký quỹ		13.736.074	(13.736.074)		13.736.074
	Phí hợp đồng tư vấn		350.000.000	(190.000.000)	160.000.000	340.000.000
	Ứng trước hợp đồng tư vấn		(100.000.000)		(100.000.000)	
	Ứng mua chứng khoán	(13.092.286.040)	(11.008.541.624)	17.554.072.080	(6.546.755.584)	
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(136.030.228)	(397.108.943)	396.946.738	(136.192.433)	(397.108.943)
	Nhận cọc mỗi giới chứng khoán	(268.830.000.000)	(475.572.095.308)	716.818.095.308	(27.584.000.000)	
	Lãi nhận cọc phải trả	(799.883.306)	(5.708.015.296)	6.311.382.845	(196.515.757)	(5.708.015.296)
	Giao dịch mua bán chứng khoán		40.699.953.600	(40.699.953.600)		
	Đặt cọc thuê kho	78.262.800			78.262.800	
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	403.761.152.419	9.287.153.573			413.048.305.992	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	77.024.785.484		(77.024.785.483)		
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	26.118.900.057		(26.118.900.057)		
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	127.959.185.363		(468.056.791)	127.491.128.572	
CTCP Transimex-Saigon	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	163.069.017.879		(163.069.017.879)		
CTCP Cảng Đồng Nai	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	62.345.572.312	3.091.663.814		65.437.236.126	
CTCP Khử Trùng VN	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	132.096.762.430	7.701.659.708	(3.532.124.000)	136.266.298.139	
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán		301.791.591	(301.791.591)		301.791.591
	Phí dịch vụ		484.550.000	(484.550.000)		440.500.000
	Phí ký quỹ		1.716.246	(1.716.246)		1.716.246
	Phải thu giao dịch ký quỹ		466.734.738	(466.734.738)		
Các đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu	(50.000.000.000)		50.000.000.000		
	Lãi trái phiếu	(1.845.000.001)	(227.799.999)	2.072.800.000		(227.799.999)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 3/2015 là 2.484.690.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Trong Q4/2015 Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 10.000.000 cổ phiếu, thời gian thực hiện dự kiến: từ ngày 12/10/2015 đến ngày 30/10/2015

TPHCM. ngày 13 tháng 11 năm 2015

Người Lập Biểu

Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

Chủ Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam